

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-PT

Ngày 14- 8 - 2023

V/v tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Ông Trần Minh Tân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Trương Trung Tín- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09 /2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Như A (T)**, sinh năm 1990; địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Cao Thị Túy G** (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Lê Quang D**, sinh năm 1963.

2. Anh **Lê Thành T**, sinh năm 1989.

3. Bà **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm 1995.

+ Cùng địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

+ Người đại diện theo uỷ quyền và cũng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Quang D, anh Lê Thành T, bà Nguyễn Thị Tuyết L: Ông **Nguyễn Trường T**, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Vạn Lý , đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đỗ Nguyễn Quế A**, sinh năm 1990

+ Địa chỉ: Khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Cao Thị Túy G** (Có mặt).

+ Ông **Huỳnh Chính C**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Khúc T, xã Tân P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Như A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Nguyễn Quế A trình bày:*

Vào ngày 04/01/2022, ông Nguyễn Như A và bà Đỗ Nguyễn Quế A có cho ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Tuyết L (con dâu ông D), ông Lê Thành T (Con ruột ông D) vay số tiền 4.500.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Gia đình ông D có hứa cứ sau 03 tháng thì gia đình ông D sẽ trả lại cho ông Như A số tiền 1.000.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Khi giao dịch vay tiền thì các bên có làm giấy mượn tiền và cả ông D, ông T và bà L cùng ký tên vào giấy mượn tiền ngày 04/01/2022. Gia đình ông D có giao cho ông Như A 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D đứng tên giấy chứng nhận để làm tin, các giấy chứng nhận bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 123770 có diện tích 3767,7m², thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924765, có diện tích 616,2m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924767, có diện tích 1503,2m², thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924766, có diện tích 148,6m², thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

Kể từ khi vay tiền đến nay gia đình ông D chưa trả vốn và lãi cho ông Ý và bà Quế Anh.

Nay ông Nguyễn Như A khởi kiện yêu cầu ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Như A và bà Đỗ Nguyễn Quế A số tiền nợ gốc và lãi như sau: Số tiền nợ gốc là

4.500.000.000đ; Tiền lãi: theo quy định pháp luật từ ngày 04/01/2022 đến ngày 27/3/2023.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Tháng 5/2020 bà Quế A (vợ ông A) cho bà L vay số tiền 360.000.000đ, bà Quế A đưa ra 02 phương án trả, số tiền 100.000.000đ góp 30 ngày, mỗi ngày 4.000.000đ = 120.000.000đ, số tiền 260.000.000đ mỗi ngày đóng lãi là 2.600.000đ (lãi suất 30%/tháng). Đến ngày 29/5/2021, bà L vay thêm số tiền 400.000.000đ. Ngày 12/7/2021 vay thêm số tiền 800.000.000đ, ngày 14/9/2021 vay thêm số tiền 200.000.000đ. Ngày 08/11/2021 vay thêm số tiền 300.000.000đ. Ngày 19/11/2021 vay thêm số tiền 250.000.000đ, sau đó bà L vay thêm số tiền 600.000.000đ, tổng số tiền 3.200.000.000đ (bà Quế A giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 03/01/2022 bà L vay thêm số tiền 1.300.000.000đ (vợ chồng bà Quế A giữ thêm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nhưng thực tế vợ chồng bà Quế A chỉ đưa số tiền 1.200.000.000đ (Trừ 100.000.000đ tiền lãi). Như vậy, từ ngày 10/5/2020 đến ngày 04/01/2022 bà L vay của bà Quế A tổng số tiền là 4.500.000.000đ (Vợ chồng bà Quế A giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Bà L thừa nhận vào ngày 04/01/2022 bà L, ông D, ông T có ký nhận nợ, với số nợ là 4.500.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền trên vay nhiều lần, bà L đã đóng lãi cho bà Quế A từ ngày 10/5/2020 đến ngày 04/01/2022 số tiền trên 8.000.000.000 đồng. Các lần đóng lãi đều chuyển qua ngân hàng cho bà Đỗ Nguyễn Quế A (Cụ thể: số tài khoản mở tại ngân hàng Việt Á 089100065155, BIDV 78510000468733; Tài khoản của ông Huỳnh Chính C 101424883). Các lần vay tiền bà Quế Anh điều giữ giấy nợ, bà L đã đóng lãi từ tháng 5/2020 đến ngày 03/01/2022 trên số tiền vay là 3.200.000.000đ trong 19 tháng, trên giấy nợ ghi 4%/tháng, nhưng thực tế bà L đã đóng lãi suất 20%-30%/tháng, bà L đã chuyển khoản qua tài khoản cho bà Quế A trả lãi tổng cộng trên 08 tỷ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L nộp thêm bản sao kê chuyển khoản cho bà Quế A tại Ngân hàng Phương Đông chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch Hộ Phòng thêm số tiền lãi là 97.000.000đ.

Nay bà L đồng ý trả số tiền 4.500.000.000đ cho vợ chồng bà Quế A. Tuy nhiên bà L cho rằng bà đã đóng lãi quá nhiều, yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định pháp luật và vợ chồng bà Quế A có trách nhiệm trả số tiền mà bà đã trả dư là trên 3.000.000.000đ; yêu cầu hủy giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu ông Ý và bà Quế A có trách nhiệm trả lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại vợ chồng bà Quế A đang giữ.

- Bị đơn ông Lê Quang D và ông Lê Thành T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết L.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Chính C trình bày: Trong vụ kiện tranh chấp này thì ông A và bà Quế A là người chịu trách nhiệm chính giải quyết với bà L; còn ông thì không liên quan gì đến vụ tranh chấp này.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như A (T) về việc yêu cầu ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Lê Thành T về số tiền nợ vay và lãi phát sinh.

Sau khi đối trừ số tiền bà L đã nộp vào tài khoản cho bà Quế Anh. Buộc ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Như A (T) số tiền 375.080.000đ.

2. Tuyên bố giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L với bà Đỗ Nguyễn Quế A xác lập ngày 30/11/2021 là vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Lê Quang D, ông Lê Thành T với ông Nguyễn Như Ý xác lập ngày 04/01/2022 là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Như Y (T) và bà Đỗ Nguyễn Quế A có trách nhiệm trả ông Lê Quang D 04 (Bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 123770 có diện tích 3767,7m², thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924765, có diện tích 616,2m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924767, có diện tích 1503,2m², thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924766, có diện tích 148,6m², thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2023, ông Nguyễn Như A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà L, ông T, ông D phải thanh toán cho ông A, bà Quế A tiền nợ gốc 4.500.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 4/1/2022 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, bà Đỗ Nguyễn Quế A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc bà L, ông T, ông D phải thanh toán cho ông A, bà Quế A tiền nợ gốc 4.500.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 4/1/2022 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, bà Nguyễn Thị Tuyết L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Tính lại phần tiền bà đã đóng trong năm 2020 đến ngày 28/5/2021, buộc ông A,

bà Quế A trả lại phần tiền dư bà đã đóng trên 3.000.000.000đ; xem xét lại căn cứ tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; xem xét lại thời gian tính lãi kể từ ngày thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện bị đơn rút lại một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu ông A, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.805.449.400đ, không yêu cầu ông Ý, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.194.550.600đ; các yêu cầu kháng cáo khác giữ nguyên như đơn kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà Quế A; chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo hướng điều chỉnh lãi suất cho vay theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho 09 khoản vay từ ngày 29/5/2021 đến ngày 27/3/2023. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn rút lại một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu ông A, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.805.449.400đ, không yêu cầu ông A, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.194.550.600đ; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông A, bà Quế A, bà L nộp trong hạn luật định và các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ông C có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn rút lại một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu ông Ý, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.805.449.400đ, không yêu cầu ông Ý, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.194.550.600đ. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà L đối với yêu cầu ông A, bà Quế A trả lại phần tiền dư bà L đã đóng là 1.194.550.600đ.

[4] Xét kháng cáo của:

Ông Nguyễn Như A và bà Đỗ Nguyễn Quế A yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ý, buộc bà L, ông T, ông D phải thanh toán cho ông A, bà Quế A tiền nợ gốc 4.500.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 4/1/2022 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu cấp phúc thẩm tính lại phần tiền bà đã đóng trong năm 2020 đến ngày 28/5/2021, buộc ông A, bà Quế A trả lại phần tiền tiền dư bà đã đóng 1.805.449.400đ; xem xét lại căn cứ tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; xem xét lại thời gian tính lãi kể từ ngày thụ lý vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 39/TB-CSĐT ngày 05/4/2022 của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an thị xã G đã xác định hành vi bà Quế A cho vay không có sự việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã G Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Bà L cho rằng bà Quế A cho vay lãi từ 20%-30%/tháng tuy nhiên bà L không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà L.

Các giao dịch từ ngày 08/5/2020 đến trước ngày 29/5/2021 bà Quế A thừa nhận các giao dịch trên đã chấm dứt.

[4.2] Xét lời trình bày của ông D, ông T, bà L cho rằng khi giao dịch từ 05/2020 đến tháng 12/2021 chỉ có bà L và bà Quế A biết, đến giao dịch ngày 04/01/2022 thì ông D và ông T mới biết giao dịch. Xét thấy, ông D, bà L và ông T là những thành viên sống chung trong nhà, ông D là cha chồng bà L, ông T là chồng bà L. Khi thực hiện giao dịch ông D tự nguyện đưa ra các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký vào biên nhận ngày 04/01/2022, cho thấy ý chí của các bên mong muốn thực hiện theo thỏa thuận tại biên nhận nợ ngày 04/01/2022 và phải có trách nhiệm với sự thỏa thuận đó. Như vậy, cần buộc bà L, ông D, ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông A và bà Quế A.

[4.3] Ông Nguyễn Như A, bà Đỗ Nguyễn Quế A với ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L thống nhất xác định ngày 4/1/2022 các bên chốt nợ gốc là 4.500.000.000đ của các khoản nợ sau:

1. Biên nhận ngày 29 tháng 05 năm 2021 dương lịch, số tiền vay là 400.000.000đ;

2. Biên nhận ngày 12 tháng 07 năm 2021 dương lịch, số tiền vay là 800.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 1.200.000.000đ;

3. Biên nhận ngày 10 tháng 09 năm 2021 âm lịch (ngày 17 tháng 10 năm 2021 dương lịch), số tiền vay là 400.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 1.600.000.000đ;

4. Biên nhận ngày 14 tháng 09 năm 2021 âm lịch (ngày 19 tháng 10 năm 2021 dương lịch), số tiền vay là 200.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 1.800.000.000đ;

5. Biên nhận ngày 04 tháng 10 năm 2021 âm lịch (ngày 08 tháng 11 năm 2021 dương lịch), số tiền vay là 300.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 2.100.000.000đ;

6. Biên nhận ngày 15 tháng 10 năm 2021 âm lịch (ngày 19 tháng 11 năm 2021 dương lịch), số tiền vay là 250.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 2.350.000.000đ;

7. Biên nhận ngày 30 tháng 11 năm 2021 số tiền vay là 250.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 2.600.000.000đ;

8. Ngày 30 tháng 12 năm 2021 số tiền vay là 600.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn là 3.200.000.000đ;

9. Biên nhận ngày 04 tháng 01 năm 2022 số tiền vay là 1.300.000.000đ, tổng tiền vốn cộng dồn của tất cả các khoản vay trước đó là 4.500.000.000đ.

Như vậy, có cơ sở xác định số tiền nợ gốc thể hiện tại 09 lần vay nêu trên đã được chốt nợ tại Biên nhận ngày 4/01/2022 là 4.500.00.000 đồng.

[4.4] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà L đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho bà Quế A tổng cộng là 5.373.010.000đ, cụ thể như sau: Số tiền bà L chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank từ ngày 29/5/2021 đến ngày 03/12/2021 là 4.063.000.000đ; Số tiền bà L chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Việt Á từ ngày 07/6/2021 đến ngày 03/12/2021 là 1.213.010.000đ, Ngân hàng Phương Đông 97.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng số tiền 5.373.010.000đ là thanh toán tiền lãi cho các khoản vay nêu trên tuy nhiên nội dung những lần chuyển khoản qua Ngân hàng không thể hiện là trả tiền lãi cho các khoản vay này.

Quá trình xét xử phúc thẩm, phía ông Ý, bà Quế A xác định số tiền 5.373.010.000đ mà bà L chuyển khoản cho bà Quế A là để thanh toán cho các khoản nợ khác đã chấm dứt, cụ thể ông Ý, bà Quế A có cung cấp 09 biên nhận nợ:

1. Khoản vay ngày 10 tháng 02 năm 2021, số tiền vay là 200.000.000 đồng;
2. Khoản vay ngày 03 tháng 04 năm 2021 dương lịch (ngày 22 tháng 03 năm 2021 âm lịch), số tiền vay là 400.000.000 đồng;
3. Khoản vay ngày 06 tháng 04 năm 2021, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng;
4. Khoản vay ngày 17 tháng 05 năm 2021 dương lịch (ngày 06 tháng 04 năm 2021 âm lịch), số tiền vay là 400.000.000 đồng;
5. Khoản vay ngày 29 tháng 05 năm 2021, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng;
6. Khoản vay ngày 12 tháng 06 năm 2021, số tiền vay là 200.000.000 đồng;
7. Khoản vay ngày 15 tháng 06 năm 2021, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng;
8. Khoản vay ngày 17 tháng 10 năm 2021 dương lịch (ngày 10 tháng 09 năm 2021 âm lịch), số tiền vay là 1.600.000.000 đồng;
9. Khoản vay ngày 23 tháng 10 năm 2021 dương lịch (ngày 18 tháng 09 năm 2021 âm lịch), số tiền vay là 2.200.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng.

Và chứng minh từ ngày 11/8/2021 đến ngày 23/12/2021 đã chuyển khoản cho phía bị đơn vay 608.400.000 đồng từ tài khoản Ngân Hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV số 78510000468733 mang tên Đỗ Nguyễn Quế A chuyển đến tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 7202205100627 mang tên Nguyễn Thị Tuyết L.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện của bà L, ông D, ông T thừa nhận chữ kí tại 09 biên nhận nợ nêu trên là của bà L và thừa nhận từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021 bà L đã nhận chuyển khoản từ bà Quế A 608.400.000 đồng.

Bà L không chứng minh được số tiền 5.373.010.000đ mà phía bà L chuyển khoản cho bà Quế Anh là trả cho những khoản vay nào, trong đó trả vốn là bao nhiêu, trả lãi là bao nhiêu trong khi bà L thừa nhận vay của bà Quế A, ông A rất nhiều khoản tiền ngoài các khoản vay đã được chốt nợ tại biên nhận ngày 4/1/2022.

Như vậy, có cơ sở xác định đối với số tiền 5.373.010.000đ mà phía bà L chuyển khoản cho bà Quế A thông qua các tài khoản ngân hàng cá nhân của bà L thì đây là tiền bà L dùng để thanh toán cho các khoản vay gốc và lãi suất kèm theo của rất nhiều khoản vay khác như bà Quế A, ông A xác định, không phải thanh toán cho các khoản vay đã được chốt nợ tại biên nhận ngày 4/1/2022

[4.5] Bà L xác định lãi cho vay là từ 20%-30% /tháng. Đại diện bà Quế A, ông A xác định lãi là 4% và đã nhận đủ tiền lãi của các khoản vay từ ngày 29/5/2021 đến ngày 4/1/2022. Do các đương sự có sự xác định chênh lệch về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất của bà L phải trả các khoản vay sẽ được tính lại như sau:

Giai đoạn từ ngày 29/5/2021 đến ngày 27/3/2023, số tiền lãi các bên được tính lại như sau:

- Ngày 29/5/2021 DL, số tiền vay vốn là 400.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 29/5/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 21 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 72.818.700đ$;

- Ngày 12/7/2021 DL, vay thêm 800.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 800.000.000đ từ ngày 12/7/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 20 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 136.120.000đ$;

- Ngày 10/9/2021 AL (ngày 17/10/2021 DL), vay thêm 400.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 400.000.000đ từ ngày 17/10/2021 DL đến ngày xét xử 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 57.547.000đ$.

- Ngày 14/9/2021 AL (ngày 19/10/2021 DL) vay thêm 200.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 200.000.000đ từ ngày 19/10/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 28.662.700đ$.

- Ngày 08/11/2021, vay thêm 300.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 300.000.000đ từ ngày 08/11/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 16 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 41.417.000đ$.

- Ngày 19/11/2021, vay thêm 250.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 250.000.000đ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 16 \text{ tháng}, 08 \text{ ngày} = 33.753.300đ$.

- Ngày 30/11/2021, vay thêm 250.000.000đ, tiền lãi đối với số tiền 250.000.000đ từ ngày 30/11/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng, 15 \text{ tháng}, 27 \text{ ngày} = 32.992.500đ$.

- Ngày 30/12/2021 vay thêm 600.000.000đ, số tiền lãi của 600.000.000đ từ ngày 30/12/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng}, 27 \text{ ngày} = 74.202.000đ$.

- Ngày 04/01/2022, vay thêm 1.300.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 1.300.000.000đ, từ ngày 04/01/2021 đến ngày 27/3/2023 là $0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng}, 23 \text{ ngày} = 159.332.000đ$.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện ông Y, bà Quế A xác nhận đã nhận đủ tiền lãi của các khoản vay từ ngày 29/5/2021 đến ngày 4/1/2022 với lãi suất $4\%/tháng$, cụ thể:

- Ngày 29/5/2021 DL, số tiền vay vốn là 400.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 29/5/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} = 114.667.000đ$;

- Ngày 12/7/2021 DL, vay thêm 800.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 800.000.000đ từ ngày 12/7/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 5 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 183.467.000đ$;

- Ngày 10/9/2021 AL (ngày 17/10/2021 DL), vay thêm 400.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 400.000.000đ từ ngày 17/10/2021 DL đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 02 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 41.067.000đ$.

- Ngày 14/9/2021 AL (ngày 19/10/2021 DL) vay thêm 200.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 200.000.000đ từ ngày 19/10/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 2 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 20.000.000đ$.

- Ngày 08/11/2021, vay thêm 300.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 300.000.000đ từ ngày 08/11/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 01 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 22.400.000đ$.

- Ngày 19/11/2021, vay thêm 250.000.000đ, số tiền lãi của số tiền 250.000.000đ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 01 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 15.000.000đ$.

- Ngày 30/11/2021, vay thêm 250.000.000đ, tiền lãi đối với số tiền 250.000.000đ từ ngày 30/11/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 01 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = 11.333.000đ$.

- Ngày 30/12/2021 vay thêm 600.000.000đ, số tiền lãi của 600.000.000đ từ ngày 30/12/2021 đến ngày 4/01/2022 là $4\%/tháng \times 4 \text{ ngày} = 3.200.000đ$.

Tổng tiền lãi phía nguyên đơn đã nhận là 411.134.000đ.

Tổng tiền lãi phía bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán là 636.845.500đ.

Đối trừ tiền lãi đã nhận, ông D, bà L, ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Quế A, ông A số tiền lãi là 225.711.500đ.

Cộng chung vốn lãi là 4.725.711.500đ, ông D, bà L, ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Quế A, ông Ý số tiền 4.725.711.500đ, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông A, bà Quế A số tiền 1.575.237.000đ.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Như A số tiền 375.080.000đ là chưa chính xác, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp. Buộc ông D, bà L, ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Quế A, ông A số tiền 4.725.711.500đ, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông A, bà Quế A số tiền 1.575.237.000đ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A, bà Quế A; chấp nhận một phần kháng cáo của bà L; chấp nhận một phần ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà L, ông T mỗi người phải chịu án phí là 59.257.000đ.

Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 61.000.000đ theo biên lai thu số 0003892 ngày 11/3/2022 của ông A tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

Áp phí dân sự phúc thẩm: Bà L, ông A, bà Quế A không phải chịu án phí, được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu ông Nguyễn Như A, bà Đỗ Nguyễn Quế A trả phần tiền dư đã đóng là 1.194.550.600đ.

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Như A, bà Đỗ Nguyễn Quế A; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết L; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117, 122, 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 167 Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như A (T) về việc yêu cầu ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Lê Thành T thanh toán số tiền nợ gốc 4.500.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Buộc ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Như A (T), bà Đỗ Nguyễn Quế A số tiền 4.725.711.500đ, mỗi người có trách nhiệm trả cho ông A, bà Quế A số tiền 1.575.237.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tuyên bố giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L với bà Đỗ Nguyễn Quế Anh xác lập ngày 30/11/2021 là vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Tuyết L, ông Lê Quang D, ông Lê Thành T với ông Nguyễn Như A xác lập ngày 04/01/2022 là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Như A (T) và bà Đỗ Nguyễn Quế A có trách nhiệm trả ông Lê Quang D 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 123770 có diện tích 3767,7m², thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924765, có diện tích 616,2m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924767, có diện tích 1503,2m², thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 924766, có diện tích 148,6m², thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu do ông Lê Quang D đứng tên.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang D, ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Tuyết L mỗi người phải chịu án phí là 59.257.000đ.

Ông Nguyễn Như A Số đã nộp tạm ứng án phí 61.000.000đ theo biên lai thu số 0003892 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, được hoàn toàn bộ số tiền đã nộp.

3.2 Áp phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Như A, bà Đỗ Nguyễn Quế A không phải chịu án phí, được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G theo các biên lai thu số 0014606, 0014607, 0014608 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thị xã G (01 bản);
- CCTHADS thị xã G (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương